

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐÀO TẠO

Tên chương trình: **KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Trình độ đào tạo: **ĐẠI HỌC**

Ngành đào tạo: **KIỂM TOÁN**

Mã số: **52.34.03.02**

Loại hình đào tạo: **CHÍNH QUY**

I. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân kiểm toán có phẩm chất đạo đức tốt, có kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội, pháp luật và tài chính nói chung, có trình độ chuyên sâu về lĩnh vực kiểm toán nói riêng, kỹ năng thực hành nghề nghiệp vững vàng và kỹ năng mềm cần thiết đáp ứng nhu cầu làm việc trong môi trường hội nhập.

1.2 Mục tiêu cụ thể

Đào tạo cử nhân kiểm toán có kiến thức và kỹ năng chuyên môn để hành nghề trong lĩnh vực dịch vụ kiểm toán, kế toán và tư vấn trong nền kinh tế hội nhập.

Sinh viên khi tốt nghiệp có khả năng:

- Khả năng làm việc tại các công ty kiểm toán trong và ngoài nước;
- Cung cấp dịch vụ kế toán cho các doanh nghiệp;
- Kiểm tra, đánh giá và tư vấn về hệ thống kiểm soát nội bộ trong các tổ chức;
- Phân tích báo cáo tài chính cho các công ty về tư vấn tài chính, tổ chức tín dụng;
- Kiểm tra và đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính của các tổ chức được lập theo hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam/Quốc tế.

Sinh viên tốt nghiệp có kỹ năng giao tiếp, có kỹ năng thao tác phần mềm kế toán, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức công việc hợp lý, kỹ năng quản lý thời gian. Có phẩm chất đạo đức tốt, tuân thủ luật pháp. Trung thực, liêm chính và tuân thủ đạo đức, chuẩn mực nghề nghiệp.

2. Chuẩn đầu ra:

A. Kiến thức

A1. Có kiến thức **cơ bản về kinh tế** nói chung, nắm vững các vấn đề cơ bản về kế toán, tài chính, kiểm toán nói riêng.

- Nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, tài chính;
- Nắm vững các quy định về hệ thống kế toán và chuẩn mực kế toán Việt Nam.

A2. Nắm vững lý thuyết các công cụ kế toán tài chính và kế toán quản trị; lập trình bày và phân tích báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và quốc tế; xử lý và cung cấp thông tin kế toán phù hợp cho việc đưa ra các quyết định quản trị.

- Có kiến thức về các chuẩn mực kế toán quốc tế;
- Có kiến thức kế toán tài chính và kế toán quản trị;
- Có kiến thức về hệ thống thông tin kế toán.

A3. Có kiến thức chuyên sâu về **kiểm toán** để có thể làm việc trong lĩnh vực kiểm toán và tư vấn tài chính, kiểm soát nội bộ và thuế.

- Am hiểu chuẩn mực kiểm toán quốc tế và Việt Nam;
- Hiểu biết pháp luật và các quy định về đạo đức nghề nghiệp.

B. Kỹ năng

B1. Có kỹ năng quản lý thời gian, xử lý hiệu quả công tác chuyên môn và các nghiệp vụ theo quy định của chuẩn mực kế toán kiểm toán và các quy định liên quan; biết thu thập, tổng hợp và phân tích các dữ liệu để phục vụ việc khai thác, thực hành nghiệp vụ nghề nghiệp.

B2. Kỹ năng thuyết trình, trình bày ý tưởng, kỹ năng viết báo cáo, kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp.

C. Trình độ ngoại ngữ, tin học

C1. Có trình độ tin học tương đương trình độ B; có khả năng sử dụng các phần mềm kế toán.

C2. Có trình độ tiếng Anh tương đương 450 điểm TOEIC.

D. Cơ hội nghề nghiệp

D.1. Có thể đảm trách các công việc liên quan đến kế toán tài chính, kế toán quản trị, khai báo thuế tại doanh nghiệp, kiểm toán viên.

D.2. Có khả năng tổng hợp, phân tích số liệu kế toán, báo cáo tài chính.

D.3. Tham mưu và đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị, ra quyết định kinh tế tài chính.

D.4. Đặc biệt, theo định hướng phát triển hoạt động kiểm toán độc lập Việt Nam từ 2011 đến 2020, ngành kiểm toán Việt Nam phải phát triển về chất lượng dịch vụ và quy mô với mục tiêu cụ thể: tăng số lượng doanh nghiệp kiểm toán dự kiến là 350 doanh nghiệp với 20.000 người làm việc, 7.000 kiểm toán viên

E. Thái độ

E.1. Có phẩm chất đạo đức tốt.

E.2. Chấp hành nghiêm túc chủ trương chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước.

E.3. Trung thực, liêm chính và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, chuẩn mực nghề nghiệp kế toán.

E.4. Có ý thức cầu tiến.

F. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

F.1. Tiếp tục học tập nâng cao ở trình độ sau đại học trong và ngoài nước .

F.2. Tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp thông qua việc học tập, nghiên cứu để đạt được các chứng chỉ hành nghề chuyên nghiệp: Chứng chỉ CPA (Việt Nam), CPA (Úc), ACCA (Anh).

MA TRẬN ĐẦU RA - MÔN HỌC BẮT BUỘC:

Môn học bắt buộc	A1	A2	A3	B1	B2	C1	C2	D1	D2	D3	D4	E1	E2
Những NLCB CNMLN				X							X	X	X
Đường lối cách mạng ĐCSVN				X		X					X		
Tư tưởng Hồ Chí Minh	X			X							X	X	X
Pháp luật đại cương					X		X		X				X
Toán cao cấp	X										X		
Lý thuyết xác suất và thống kê	X										X	X	X
Kinh tế học vi mô	X			X				X		X			
Kinh tế học vĩ mô	X				X	X						X	X
Nguyên lý kế toán	X	X		X	X						X	X	X
Quản trị học căn bản	X			X								X	X
Kinh tế lượng	X				X	X		X		X		X	X
Luật kinh tế				X		X		X	X	X	X	X	X
Thống kê ứng dụng	X				X	X	X	X		X	X	X	X
Lý thuyết tài chính tiền tệ	X			X		X	X	X		X	X	X	X
Marketing	X			X	X			X	X	X	X	X	X
Kế toán tài chính I		X		X		X	X	X		X	X		X
Lý thuyết kiểm toán		X	X		X		X	X	X		X	X	X
Tài chính doanh nghiệp				X	X	X		X	X	X	X	X	X

Kế toán tài chính ²		X		X		X	X	X	X		X	X	X
Kiểm toán phần hành		X	X	X		X	X	X		X	X	X	X
Thuế - Thực hành và khai báo		X		X	X		X	X	X	X		X	X
Kế toán quốc tế	X	X		X		X	X		X	X	X	X	X
Phân tích báo cáo tài chính		X			X	X	X		X	X		X	X
Hệ thống thông tin kế toán	X	X			X	X	X		X	X	X		X
Kiểm toán phần hành nâng cao		X	X	X		X	X	X		X	X	X	X
Pháp luật kế toán – kiểm toán		X	X	X		X		X	X	X	X	X	X
Chuẩn mực kế toán Việt Nam		X		X		X	X	X		X	X		X
Đạo đức nghề nghiệp kiểm toán			X	X				X	X	X	X		
Kiểm soát và kiểm toán nội bộ			X		X	X	X		X	X	X		X
Kiến tập	X	X	X	X							X	X	X
Thực tập cuối khóa	X	X	X	X							X	X	X
KL tốt nghiệp, HP chuyên môn	X	X	X	X							X	X	X

MA TRẬN ĐẦU RA - MÔN HỌC TỰ CHỌN:

Môn học tự chọn	A1	A2	A3	B1	B2	C1	C2	D1	D2	D3	D4	E1	E2
Lịch sử các học thuyết kinh tế	X										X		
Lịch sử kinh tế VN và các nước	X			X		X	X			X	X	X	X
Địa chính trị thế giới												X	X
Quan hệ quốc tế					X	X					X	X	X
Tâm lý học				X	X	X					X	X	X
Nhập môn khoa học giao tiếp							X					X	X
Phương pháp nghiên cứu khoa học				X	X						X	X	X
Kỹ năng làm việc theo nhóm	X			X	X	X		X	X	X	X	X	X
Tin học đại cương				X	X								
Logic học				X	X							X	X
Tin học quản lý	X				X	X		X	X	X	X	X	X

Hành vi khách hàng	X			X	X			X	X	X	X	X	X
Địa lý kinh tế	X					X							
Giáo dục học	X			X	X	X						X	X
Lịch sử các nền văn minh thế giới	X						X					X	
Xã hội học	X			X	X	X						X	X
Dân số học	X								X			X	X
Con người và môi trường	X			X	X							X	X
Kinh doanh quốc tế	X			X		X	X	X	X	X	X	X	X
Kinh tế tài nguyên môi trường	X			X	X		X	X		X		X	X
Kế toán quản trị		X		X	X	X	X		X	X	X	X	X
Tiền tệ ngân hàng	X			X	X	X		X	X	X	X		X
Quản trị doanh nghiệp					X	X		X		X	X	X	X
Kế toán ngân hàng thương mại	X	X				X	X	X		X		X	X
Kế toán quốc tế nâng cao	X	X		X		X	X		X	X	X	X	X
Ngân hàng thương mại	X			X	X		X	X		X		X	X
Thị trường chứng khoán	X			X		X		X	X	X		X	X
Tin học kế toán	X	X	X	X		X		X	X	X	X	X	X
Quản trị rủi ro	X			X		X		X	X	X		X	X
Thanh toán quốc tế		X	X		X	X		X	X	X	X		X
Quản trị hành chính văn phòng	X	X	X		X	X		X	X		X		X

3. Thời gian đào tạo: 04 năm

4. Đối tượng tuyển sinh

Mọi đối tượng trên toàn quốc có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (hệ tập trung, hệ giáo dục thường xuyên), trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Căn cứ vào Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng theo hệ thống tín chỉ Ban hành kèm theo Quyết định số 1368 /ĐHQG-ĐH&SĐH ngày 21 tháng 11 năm 2008 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

5.1. Quy trình đào tạo: Quy trình đào tạo được chia làm 8 học kỳ:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: học kỳ 1, học kỳ 2, học kỳ 3.
- Khối kiến thức cơ sở của khối ngành: học kỳ 4.
- Khối kiến thức chuyên ngành: học kỳ 5, học kỳ 6, học kỳ 7.
- Thực tập cuối khóa, khóa luận tốt nghiệp hoặc học chuyên đề: học kỳ 8

5.2. Điều kiện tốt nghiệp: Sinh viên được công nhận tốt nghiệp, nếu hội đủ các điều kiện sau đây:

- Tích lũy đủ số tín chỉ của ngành đào tạo.
- Đạt điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa theo quy định.
- Đạt các chứng chỉ giáo dục quốc phòng, chứng chỉ giáo dục thể chất .
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

6. Thang điểm: Thang điểm sử dụng là thang điểm 10 và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

7. Nội dung chương trình:

7.1 Tỷ lệ các khối kiến thức:

Cấp đào tạo	Thời gian đào tạo	Tổng khối lượng kiến thức	Kiến thức cơ bản	Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành			
				Toàn bộ	Cơ sở ngành	Ngành	TTCK, KLTN hoặc các HPCM
Đại học	4 năm	135	51	84	21	52	11

7.2 Khối kiến thức giáo dục cơ bản: 51 tín chỉ

7.2.1. Khối kiến thức giáo dục cơ bản: 51 tín chỉ (không tính ngoại ngữ không chuyên 12 tín chỉ, giáo dục thể chất và quốc phòng)

		TÍN CHỈ
--	--	----------------

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/T N	KHÁC
		TOÁN VÀ KHTN	12	12		
		Môn bắt buộc: 09 TC				
1	TO01	Toán cao cấp C1	3	3		
2	TO02	Toán cao cấp C2	3	3		
3	TO03	Lý thuyết xác suất và thống kê	3	3		
		Môn tự chọn: 03 TC				
1	TH01	Tin học đại cương	3	3		
2	MT01	Con người và môi trường	3	3		
3	LG01	Logic học	3	3		
		KHXH & NV	25	25		
		Môn bắt buộc: 16 TC				
1	NL01	Những nguyên lý CB của CN ML	5	5		
2	DL01	Đường lối cánh mạng ĐCSVN	3	3		
3	TT01	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		
4	PL01	Pháp luật đại cương	3	3		
5	LS01	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	3		
		Môn tự chọn: 09 TC				
1	DL02	Địa lý kinh tế	3	3		
2	DL03	Địa chính trị thế giới	3	3		
3	GH01	Giáo dục học	3	3		
4	LS02	Lịch sử kinh tế VN và các nước	3	3		
5	LS03	Lịch sử các nền văn minh thế giới	3	3		
6	XH01	Xã hội học	3	3		
7	DH01	Dân số học	3	3		
8	PP01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3		
9	QH01	Quan hệ quốc tế	3	3		

10	TL01	Tâm lý học đại cương	3	3		
11	GT03	Nhập môn khoa học giao tiếp	3	3		
		KHOA HỌC KINH TẾ	14	14		
		Môn bắt buộc: 14 TC				
1	KT06	Kinh tế học vi mô	4	4		
2	KT08	Kinh tế học vĩ mô	4	4		
3	KK01	Kế toán đại cương	3	3		
4	QT01	Quản trị học căn bản	3	3		
	NN	NN KHÔNG CHUYÊN	12	6	6	
		GDTC & GDQP				
1	GT	GDTC (GT01/GT02)	5	2	3	
2	QP01	GDQP (4 tuần)	165 tiết	45 tiết		

7.2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 84 tín chỉ

Khối kiến thức cơ sở của khối ngành: 21 tín chỉ (không tính ngoại ngữ chuyên ngành 6 tín chỉ)

STT	Mã MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
		Môn bắt buộc: 15 TC	21	20	1	
1	KT02	Kinh tế lượng	3	3		
2	KT20	Kinh tế học quốc tế	3	3		
3	TO04	Lý thuyết thống kê	3	3		
4	TC10	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	3		
5	MA01	Marketing căn bản	3	3		
		Môn tự chọn: 06 TC				
1	TH02	Tin học quản lý	3	2	1	
2	LU01	Luật kinh tế	3	3		
3	KD01	Kinh doanh quốc tế	3	3		

4	KT12	Kinh tế tài nguyên môi trường	3	3		
		NN CHUYÊN NGÀNH	6	3	3	

7.3. Kiến thức chung của ngành chính: 52 tín chỉ

7.3.1. Kiến thức chung của ngành chính: 52 tín chỉ (không tính ngoại ngữ chuyên ngành 12 tín chỉ)

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/ TN	KHÁC
		Môn bắt buộc: 43 TC				
1	KK0 2	Kế toán tài chính 1	4	4		
2	KK0 5	Lý thuyết kiểm toán : 3 tín chỉ	3	3		
3	TC13	Tài chính doanh nghiệp	4	4		
4	KK0 3	Kế toán tài chính 2	4	4		
5	KK0 9	Kiểm toán phân hành	3	3		
6	KK1 8	Thuế - Thực hành và khai báo	3	3		
7	KK0 6	Kế toán quốc tế	3	3		
8	KK1 9	Phân tích Báo cáo tài chính	3	3		
9	TH09	Hệ thống thông tin kế toán	3	3		
10	KK3 0	Kiểm toán phân hành nâng cao	3	3		
11	KK2 6	Pháp luật kế toán-kiểm toán	3	3		
12	KK2 8	Chuẩn mực kế toán Việt Nam	2	2		
13	KK2 7	Đạo đức nghề nghiệp kiểm toán	2	2		

14	KK2 9	Kiểm soát và kiểm toán nội bộ	3	3		
		Môn tự chọn: 9 TC				
1	KK0 8	Kế toán quản trị	3	3		
2	NH0 1	Tiền tệ ngân hàng	3	3		
3	QT05	Quản trị doanh nghiệp	3	3		
4	KK1 2	Kế toán ngân hàng thương mại	3	3		
5	KK0 7	Sổ sách và báo cáo kế toán	3	3		
6	KK3 2	Kế toán quốc tế nâng cao	3	3		
7	TN03	Tài chính quốc tế	3	3		
8	NH0 2	Ngân hàng thương mại	3	3		
9	TN02	Thị trường chứng khoán	3	3		
10	KK1 3	Tin học kế toán	3	3		
11	QT09	Quản trị rủi ro	3	3		
12	NH0 4	Thanh toán quốc tế	3	3		
13	QT17	Quản trị hành chính văn phòng	3	3		
		NN CHUYÊN NGÀNH	12	6	6	

7.3.2. Kiến thức chuyên sâu của ngành chính: 11 tín chỉ

Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần chuyên môn

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
		Môn bắt buộc: 4 TC				
1	BC01	Kiến tập				
2	BC02	Thực tập cuối khóa	4		4	
		Môn tự chọn: 7 TC (*)				
3	KL01	Khóa luận TN	7	7		

4	CD0 X	Học phần chuyên môn	7	7		
---	----------	---------------------	---	---	--	--

Ghi chú (*):

- Tất cả sinh viên đều phải đi thực tập chuyên môn cuối khóa, hoàn tất báo cáo thực tập, tương đương 4 TC.
 - Căn cứ điểm trung bình của 7 học kỳ, 10% sinh viên đạt yêu cầu sẽ được chọn thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp trong học kỳ 8 (đảm bảo tích lũy đủ 11 tín chỉ). Tiêu chuẩn sinh viên được Khoa chọn làm khóa luận tốt nghiệp sẽ được Hiệu trưởng quy định theo từng năm. Sau đó, các sinh viên này sẽ bảo vệ trước Hội đồng.
- *: Sinh viên nếu chọn học phần chuyên môn (Mã môn học: CD 0X bao gồm chuyên đề 1 và chuyên đề 2; số tín chỉ: 7) thì không làm khóa luận tốt nghiệp học trong học kỳ VIII.
- Hai môn chuyên đề không cố định sẽ được Khoa thay đổi tùy theo tình hình thực tế từng năm.

8. Kế hoạch giảng dạy

HỌC KỲ I(NĂM 1): 15 TC

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
		Môn bắt buộc: 09 TC				
1	TO01	Toán cao cấp C1	3	3		
2	TO02	Toán cao cấp C2	3	3		
3	PL01	Pháp luật đại cương	3	3		
		Môn tự chọn: 06 TC				
1	DL02	Địa lý kinh tế	3	3		
2	LS03	Lịch sử các nền văn minh thế giới	3	3		
3	LS02	Lịch sử kinh tế Việt Nam và các nước	3	3		
4	TH01	Tin học đại cương	3	2	1	
	NN01	NN không chuyên 1	4	2	2	

HỌC KỲ II(NĂM 1): 18 TC

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
		Môn bắt buộc: 15 TC				
1	TO03	Lý thuyết xác suất và thống kê	3	3		
2	NL01	Những nguyên lý cơ bản của CN ML	5	5		
3	KT06	Kinh tế học vi mô	4	4		
4	KK01	Kế toán đại cương	3	3		
		Môn tự chọn: 03 TC				
1	QH01	Quan hệ quốc tế	3	3		
2	TL01	Tâm lý học đại cương	3	3		

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
3	MT01	Con người và môi trường	3	3		
4	XH01	Xã hội học	3	3		
	NN02	NN không chuyên 2	4	2	2	
	QP01	Giáo dục QP (4 tuần)	165t	45t	120t	

HỌC KỲ III(NĂM 2): 19 TC

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
		Môn bắt buộc: 16 TC				
1	LS01	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	3		
2	KT08	Kinh tế học vĩ mô	4	4		
3	TO08	Lý thuyết thống kê kinh tế	3	3		
4	DL01	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	3		
5	QT01	Quản trị học căn bản	3	3		
		Môn tự chọn: 03 TC				
1	LG01	Logic học	3	3		
2	GH01	Giáo dục học	3	3		
3	DH01	Dân số học	3	3		
4	PP01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3		
5	ĐL03	Địa chính trị thế giới	3	3		
	NN03	NN không chuyên 3	4	2	2	
	GT01	Giáo dục thể chất	3	3		

HỌC KỲ IV(NĂM 2): 20 TC

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/ TN	KHÁC
		Môn bắt buộc: 14 TC				
1	MA01	Marketing căn bản	3	3		
2	KT02	Kinh tế lượng	3	3		
3	TT01	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		
4	KT20	Kinh tế học quốc tế	3	3		
5	TC10	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	3		
		Môn tự chọn: 6TC				
1	LU01	Luật kinh tế	3	3		
2	KD01	Kinh doanh quốc tế	3	3		
3	KT12	Kinh tế tài nguyên môi trường	3	3		
4	TH02	Tin học quản lý	3	2	1	
	NN04	NN chuyên ngành	4	2	2	
	GT02	Giáo dục thể chất	2	2		

HỌC KỲ V (NĂM 3): 20 TC

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
		Môn bắt buộc: 17 tín chỉ				
1	KK02	Kế toán tài chính 1	4	4		
2	TC13	Tài chính doanh nghiệp	4	4		
3	KK05	Lý thuyết kiểm toán	3	3		
4	KK06	Kế toán quốc tế	3	3		
6	KK26	Pháp luật kế toán – kiểm toán	3	3		
		Môn tự chọn: 3 tín chỉ				
1	NH01	Tiền tệ ngân hàng	3	3		
2	NH04	Thanh toán quốc tế	3	3		
3	NH02	Ngân hàng thương mại	3	3		
5	QT17	Quản trị hành chính văn phòng	3	3		
6	TN02	Thị trường chứng khoán	3	3		
	NN05	Ngoại ngữ chuyên ngành	4	2	2	

HỌC KỲ VI (NĂM 3): 17TC

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
		Môn bắt buộc: 14 tín chỉ				
1	KK 18	Thuế - Thực hành và khai báo	3	3		
2	KK 02	Kế toán tài chính 2	4	4		
3	KK 09	Kiểm toán phần hành	3	3		
4	KK 27	Đạo đức nghề nghiệp kiểm toán	2	2		
5	KK 28	Chuẩn mực kế toán Việt Nam	2	2		
		Môn tự chọn: 3 tín chỉ				
1	TN 03	Tài chính quốc tế	3	3		
2	QT09	Quản trị rủi ro	3	3		

3	KK32	Kế toán quốc tế nâng cao	3	3		
4	KK 12	Kế toán ngân hàng thương mại	3	3		
	NN 06	Ngoại ngữ chuyên ngành	4	2	2	

HỌC KỲ VII (NĂM 4): 15 TC (*)

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
		Môn bắt buộc: 12 tín chỉ				
1	KK30	Kiểm toán phần hành nâng cao	3	3		
2	KK19	Phân tích Báo cáo tài chính	3	3		
3	TH09	Hệ thống thông tin kế toán	3	3		
4	KK29	Kiểm soát và kiểm toán nội bộ	3	3		
		Môn tự chọn: 3 tín chỉ				
1	KK07	Sổ sách và báo cáo kế toán	3	3		
2	KK08	Kế toán quản trị	3	3		
3	QT05	Quản trị doanh nghiệp	3	3		
4	KK13	Tin học kế toán	3	3		

HỌC KỲ VIII (NĂM 4): 11 TC

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
1	BC 01	Thực tập cuối khóa	4		4	
2	KL 01/ CD 0X	Khóa luận TN/Học phần chuyên môn	7	7		

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Trên cơ sở tham khảo chương trình khung của Bộ, chương trình đào tạo bậc đại học theo hệ đào tạo tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Luật được xây dựng căn cứ vào mục tiêu cụ thể, điều kiện thực tế của Trường Đại học Kinh tế - Luật, bao gồm các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức chuyên nghiệp được thực hiện trong 8 học kỳ (bốn năm).

- Chương trình được xây dựng trên các nguyên tắc nhất định để đảm bảo tính liên thông, khoa học, đáp ứng nhu cầu xã hội.

- Các giảng viên phải tuân thủ theo đúng yêu cầu của chương trình.

- Các môn phải được thực hiện giảng dạy đúng theo thứ tự đã ghi theo từng học kỳ, theo đúng yêu cầu môn tiên quyết, môn trước, môn sau, môn song hành. Không đơn vị nào được tự ý thay đổi nếu không thông qua Hội đồng khoa học.

- Việc thực hiện đào tạo theo chương trình này phải tuân thủ Quy chế về đào tạo theo học chế tín chỉ của Đại học Quốc gia TP.HCM. Sau khi kết thúc khóa học, nếu hoàn thành đủ số lượng tín chỉ và được công nhận tốt nghiệp, người học được cấp bằng tốt nghiệp đại học bậc Cử nhân.

- Chương trình đào tạo sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của ngành và thực tiễn.

PHÓ TRƯỞNG KHOA PHỤ TRÁCH

HIỆU TRƯỞNG